

Số: 22/2019/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 05 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1957(con gái cụ Nguyễn Văn B)

Địa chỉ: Cụm 5, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1948(vợ cụ Nguyễn Văn B).

Địa chỉ: Cụm 1, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Doãn Trung T– Chủ tịch UBND huyện PT, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Thị trấn PT, huyện PT, thành phố Hà Nội.

- Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hoài D1 – Giám đốc.

- Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1958 (Con cụ B).

Địa chỉ: Cụm 1, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1981 (Con cụ B, bà C).

Địa chỉ: Ngõ 82 phố CL, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị D3, sinh năm 1987 (Con cụ B, bà C).

Địa chỉ: Cụm 1, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị D4, sinh năm 1989 (Con cụ B, bà C).

Địa chỉ: Xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị D5, sinh năm 1966 (Con riêng cụ B).

Địa chỉ: Số nhà 21, phố NTN, phường TN, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Ông Nguyễn Văn D5, sinh năm 1982. (Người mua đất của bà C).

Địa chỉ: Cụm 1, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Bà Nguyễn Thị A xin rút yêu cầu Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ còn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn B.

2.1. Về quan hệ huyết thống: Các đương sự thống nhất Cụ Nguyễn Văn B lấy cụ Nguyễn Thị B1 sinh ra chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị A1. Ngoài ra Cụ Nguyễn Văn B có 02 con riêng là chị Nguyễn Thị B2, chị Nguyễn Thị B3. Sau khi cụ Nguyễn Thị B1 mất(1980) cụ Nguyễn Văn B lấy bà Vũ Thị C sinh ra chị Nguyễn Thị D2, Nguyễn Thị D3, Nguyễn Thị D4. Cụ Nguyễn Văn B đã chết 15/8/2010. Không có di chúc.

2.2. Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn B để lại gồm thửa đất số 778, tờ bản đồ số 03, có diện tích 337m² ở Cụm 1, xã TH, huyện PT, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00108 được UBND huyện PT cấp ngày 13/9/2002 đứng tên cụ Nguyễn Văn B(đo thực tế là 353m²). Trên đất có ngôi nhà mái bằng một tầng, mái tôn che sân bà Vũ Thị C xây dựng năm 2016. Di sản của cụ Nguyễn Văn B được chia thừa kế theo pháp luật. Kỳ phần của chị Nguyễn Thị B3 giao cho chị Nguyễn Thị B2, có trách nhiệm quản lý, sau này chị B3 về sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

2.3. Các đương sự thống nhất chia theo diện tích đo thực tế là 353m², cách chia như sau:

* Giành 41,9m² làm lối đi chung(của các thửa 778-2; 778-3; 778-4)thuộc thửa đất 778-1 được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,20,19,18,17,16,1.(có sơ đồ kèm theo)

* Còn lại 311,1m² chia cụ thể cho từng người như sau:

- Bà Nguyễn Thị A là 25,8m².
- Bà Nguyễn Thị A1 là 25,8m².
- Bà Vũ Thị C là 167m²(trong đó có 122m² bà C đã chuyển nhượng cho gia đình anh Nguyễn Văn D5, còn lại phần của bà C là 45m²)
- Chị Nguyễn Thị B2 là 37m².
- Chị Nguyễn Thị D2 là 18,5m².
- Chị Nguyễn Thị D3 là 18,5m².
- Chị Nguyễn Thị D4 là 18,5m².

* Phần của bà A, bà A1 được nhận chung một thửa đất là thửa số 778-2 được giới hạn bởi các điểm 16,17,18,13a,14,15,16 có tổng diện tích là 51,6m².(có sơ đồ kèm theo)

* Phần đất của các chị B2, chị D2, chị D3, chị D4 được gộp chung với kỳ

phần của bà Vũ Thị C là 45m², cùng sử dụng chung thửa đất số 778-3 được giới hạn bởi các điểm 20,12,13,13a,18,19,20 có diện tích 137,5m².(có sơ đồ kèm theo).

* Giao bà Vũ Thị C thửa số 778-4 tờ bản đồ số 03 diện tích 122m² được giới hạn bởi các điểm 5,6,7,8,9,10,11,12,20,5(có sơ đồ kèm theo) phần đất này anh Nguyễn Văn D5 nhận chuyển nhượng từ gia đình bà Vũ Thị C, các bên không có tranh chấp. Bà Vũ Thị C và anh Nguyễn Văn D5 thống nhất sau này sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn D5 đã xây dựng trên phần đất nhận chuyển nhượng của bà Vũ Thị C hai bên thống nhất thỏa thuận tự giải quyết với nhau.

* Ranh giới giữa hai thửa đất 778-2 giao cho bà A + bà A1 với thửa đất 778-3 giao cho Bà C + chị B2 + Chị D2 + chị D3 + chị D4 được xác định là đường nối 2 điểm 18 và 13a.(có sơ đồ kèm theo).

* Ranh giới đất giữa thửa 778-3 với thửa 778-4 là các điểm 12, 20, 5.

Giao cho bà C sở hữu các công trình trên thửa đất số 778-3 gồm: một nhà mái bằng một tầng, tường gạch mái bê tông cốt thép, trên lợp tôn chống nóng, nhà xây dựng năm 2016, diện tích 79,1m²; một lán mái tôn diện tích 28m²; một phần sân gạch đỏ; tường bao xung quanh trên thửa đất số 778-3.

Giao cho bà A, bà A1 quyền sử dụng đất thửa đất số 778-2 và sở hữu các công trình trên đất gồm: một đoạn tường 110 bao dài 2,23m; một phần sân gạch đỏ; hai trụ cổng; một cổng sắt, mái cổng nằm trên thửa đất 778-2.

+ Chi phí định giá, đo đạc trong quá trình giải quyết vụ án do bà A nộp tạm ứng đã được bà C và các chị B2(thanh toán 2 kỳ phần), chị D2, chị D3, chị D4 đã thanh toán trả bà A đầy đủ tại buổi hòa giải thành.

+ Về án phí: bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị A1, bà Vũ Thị C thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị A được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000569 ngày 14/6/2018 tại cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị B2 phải chịu 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị D2, chị Nguyễn Thị D3, chị Nguyễn Thị D4 mỗi người phải chịu 4.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Cục Thi hành án dân sự tp Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã kí)

Nguyễn Quốc Thái